TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22/8/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thanh Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Diệp Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa* : Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19/6/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Như T2, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án tại Đội x, trại giam P, huyện N, tỉnh H. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Triệu Thị T trình bày: Chị và anh Triệu Như T2 kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện V vào ngày 19/12/2016, sau kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn Đ, xã C, huyện V. Vợ chồng sống chung đến tháng 9/2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh T2 đang chấp hành án phạt tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Đội x, trại giam P, huyện N, tỉnh H. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh Triệu Như T2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

Tại bản tự khai của anh Triệu Như T2 có xác nhận của Trại giam P, tỉnh H, anh T2 trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2016 tại UBND xã C, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng 19/9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh phải đi chấp hành hình phạt tù nên tình cảm trở nên lạnh nhạt, từ khi chấp hành án chị T có đến thăm anh một lần vào năm 2022, từ đó đến nay không vào thăm nữa. Nay chị T đề nghị ly hôn anh T2 cũng nhất trí. Do hiện nay anh T2 đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa, nên đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Chị T và anh T2 đều xác nhận không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Triệu Như T2; về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật; tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Triệu Như T2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự. Chị Triệu Thị T và anh Triệu Như T2 vắng mặt tại phiên tòa, anh chị đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Triệu Thị T và anh Triệu Như T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Như T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 19/12/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Triệu Như T2 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh T2 cho rằng do anh T2 phải đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị T xin ly hôn, anh T2 nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T2 đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, anh chị đều thể hiện nguyện vọng ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T2, chị T không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Triệu Như T2.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0003744 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã C
(số 88, ngày 19/12/2016);
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh